

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2024
V/v tranh chấp “Ly hôn
và con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thanh Sơn;
- Bà Lê Thị Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HN ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HN ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lâm Thanh T**, sinh năm: 2000.

Địa chỉ: **Tổ A, ấp R, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.**

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tấn T1**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: **Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh.**

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị **Lâm Thanh T** trình bày:* Chị và anh **Nguyễn Tấn T1** tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung tên **Nguyễn Lâm Nhã K**, sinh ngày 22-3-2018, **Nguyễn Lâm Nhã A**, sinh ngày

21-02-2020 và Nguyễn Lâm Thiên Ý, sinh ngày 02-02-2021, hiện mẹ chồng chị đang nuôi dưỡng

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng sau khi chị sinh con thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **T1** không lo đi làm phụ giúp kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, sử dụng và nghiện ma túy, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều phụ thuộc vào mẹ chồng. Chị có khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh **T1** vẫn không thay đổi và anh **T1** đã cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tây Ninh và chấp hành xong vào cuối tháng 5/2024. Chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống vì anh **T1** không chịu thay đổi, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh **T1**.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 con, không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên chị **T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn anh Nguyễn Tấn T1 trình bày:* Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2024 anh thống nhất về thời gian chung, có đăng ký kết hôn và con chung. Anh thừa nhận trong thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn do anh sử dụng ma túy và cai nghiện ma túy theo quyết định của Tòa án. Nay chị **T** yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 con, không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy nên anh **T1** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Lâm Thanh T** đối với anh **Nguyễn Tấn T1**; Con chung, giao cho chị **T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục **Nguyễn Lâm Nhã K**, sinh ngày 22-3-2018, **Nguyễn Lâm Nhã A**, sinh ngày 21-02-2020 và Nguyễn Lâm Thiên Ý, sinh ngày 02-02-2021, anh **T1** không phải

cấp dưỡng nuôi con do chị **T** không yêu cầu; Tài sản, chị **T** và anh **T1** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Nợ chung, chị **T** và anh **T1** khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Lâm Thanh T** và anh **Nguyễn Tấn T1** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị **Lâm Thanh T** và anh **Nguyễn Tấn T1** kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thì thấy rằng: Anh chị chung sống vào năm 2018, trong thời gian sống chung anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh **T1** sử dụng ma túy không chăm lo phụ giúp gia đình, chị **T** đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh **T1** vẫn không thay đổi và anh **T1** đã chấp hành cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy theo quyết định của Tòa án. Tại biên bản biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2024 anh **T1** đồng ý ly hôn. Do đó, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị **T** và anh **T1** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **T** là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị **T** và anh **T1** đều yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục **Nguyễn Lâm Nhã K**, sinh ngày 22-3-2018, **Nguyễn Lâm Nhã A**, sinh ngày 21-02-2020 và Nguyễn Lâm Thiên Ý, sinh ngày 02-02-2021. Xét thấy, trong thời gian giải quyết anh **T1** đang chấp hành cai nghiện ma túy, tuy nhiên anh đã chấp hành cai nghiện xong vào ngày 23/5/2024 và Tòa án đã gửi giấy triệu tập để anh trình bày ý kiến và chứng minh thu nhập nhưng anh không đến. Các con đều còn nhỏ và là nữ nhằm để đảm bảo phát triển tốt về mặt tâm sinh lý nên Hội đồng xét xử cần giao con cho chị **T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con chị **T** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị **T** và anh **T1** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị **T** và anh **T1** khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Lâm Thanh T** đối với anh **Nguyễn Tấn T1**. Chị **T** được ly hôn với anh **T1**.

2. Về con chung: Giao cho chị **T** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Lâm Nhã K**, sinh ngày 22-3-2018, **Nguyễn Lâm Nhã A**, sinh ngày 21-02-2020 và Nguyễn Lâm Thiên Ý, sinh ngày 02-02-2021. Anh **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T** không yêu cầu.

Anh **T1** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị **Lâm Thanh T** và anh **Nguyễn Tấn T1** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị **Lâm Thanh T** và anh **Nguyễn Tấn T1** khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị **Lâm Thanh T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012151 ngày 11-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Ghi nhận chị **T** đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- UBND thị trấn Bến Cầu (Số 07/2020);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vui